TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS- ST
Ngày: 20/4/2022
"V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhàn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Chính

Ông Ngô Mậu Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự đặt cọc", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

2. Bị đơn: Anh Hồ Minh H, sinh năm 1969 và chị Trần Thị K, sinh năm 1973, cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, đều vắng mặt.

3. Đại diện theo ủy quyền của anh Hồ Minh H, chị Trần Thị K: Anh Nguyễn Thế T, địa chỉ: Số 23 L, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

4. Người làm chứng: Anh Hồ Văn K, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2021, bản tự khai ngày 17/02/2022 và các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ đều trình bày: Vào ngày 23/01/2021, tại nhà anh Hồ Minh H ở thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, giữa chị và vợ chồng anh Hồ Minh H, chị Trần Thị K thỏa thuận với nhau về việc anh H chị K chuyển nhượng đất cho chị 2510,08m^2 tại thửa số 03, tờ bản đồ 09 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 482797 do Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy cấp ngày 09/9/2020 mang tên Hồ Minh H và Trần Thị K, với giá 2.415.000.000 đồng. Chị đã đặt cọc trước 100.000.000 đồng cho

anh Hồ Minh H, chị Trần Thị K và thỏa thuận thời gian thực hiện hợp đồng đến ngày 23/4/2021 phải thực hiện ký hợp đồng chuyển nhượng đất, nếu phá cọc thì phải trả lại tiền cọc và bồi thường gấp 10 lần số tiền cọc là 1.100.000.000 đồng. Trong quá trình làm thủ tục hồ sơ chuyển nhượng, đo đạc tách thửa đến ngày 06/3/2021, anh H, chị K không chịu ký tách thửa mà yêu cầu tăng giá đất lên 3.155.000.000 đồng đã trừ tiền cọc, chị cũng chấp nhận và hai bên ký thỏa thuận bổ sung vào phần cuối của giấy cọc. Sau đó tiếp tục làm hồ sơ tách thửa nhưng khi Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lệ Thủy gọi anh H, chị K lên ký hồ sơ thì không lên ký, cố tình phá hợp đồng cọc mà không chịu trả tiền cọc và bồi thường cọc nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H, chị K trả lại tiền cọc và bồi thường cọc theo giấy đặt cọc ngày 23/01/2021 là 1.100.000.000 đồng.

Bị đơn anh Hồ Minh H và chị Trần Thị K ủy quyền cho anh Nguyễn Thế T trình bày qua bản tự khai ngày 17/02/2022, các biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa: Anh H, chị K thừa nhận vào ngày 23/01/2021, giữa chị Nguyễn Thị Đ và vợ chồng anh, chị cùng ký kết giấy nhận tiền đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 09 tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Sau đó vì nhiều lý do, hợp đồng chuyển nhượng không thực hiện được và đã vô hiệu. Nay chị Đ khởi kiện yêu cầu anh H, chị K trả tiền cọc và bồi thường cọc là 1.100.000.000 đồng, anh, chị không nhất trí và có ý kiến như đơn phản tố ngày 13/12/2021 gửi Tòa án, vì:

- Thứ nhất: Hợp đồng có đối tượng không thể thực hiện vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh H, chị K có tổng diện tích là 5026,9m^2, trong đó đất ở 200m^2, tuy nhiên trong giấy đặt cọc không ghi rõ bao nhiêu diện tích đất ở nên dẫn đến không thể thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng. Hai bên đã thương lượng với nhau trong phần đất chuyển nhượng có bao nhiêu đất ở nhưng không thống nhất được, đồng thời trong hợp đồng cọc không thống nhất chuyển nhượng nhà hay đất, có chuyển nhượng nhà hay không.

- Thứ hai: Những điều khoản trong hợp đồng không chặt chẽ, chưa quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên nên gây khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Thứ ba: Tại điều 3 của hợp đồng đặt cọc có thỏa thuận công chứng nhưng không được công chứng là do lỗi của cả hai bên.

Hiện nay chị Đ khởi kiện, anh H, chị K, phía anh, chị mong muốn hòa giải để các bên thỏa thuận được. Vì không thực hiện được việc chuyển nhượng đất một phần lỗi của gia đình anh chị nên anh, chị chấp nhận trả lại cho chị Đ số tiền đã nhận đặt cọc và trả thêm tiền phạt cọc 300.000.000 đồng nữa, tổng cộng là 400.000.000 đồng, nếu chị Đ không nhất trí như vậy thì anh H, chị K giữ nguyên phản đối yêu cầu khởi kiện của chị Đ, đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng không có hiệu lực, vì đây là giao dịch dân sự có điều kiện mà điều kiện đó không xảy ra thì hợp đồng không có hiệu lực. Các bên trả lại cho nhau những gì đã nhận. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

Người làm chứng, anh Hồ Văn K vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã trình bày tại bản tự khai ngày 17/02/2022: Anh thừa nhận, anh có ký làm chứng vào

giấy đặt cọc giữa chị Nguyễn Thị Đ và bố mẹ anh là ông H, bà K, tuy nhiên việc thương lượng, thỏa thuận với nhau như thế nào anh không được tham gia, anh chỉ ký theo yêu cầu của bố mẹ. Nay anh không đồng ý việc chuyển nhượng đất cho chị Đ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục hòa giải, nhằm tạo điều kiện cho hai bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng khi chị Đ trình bày quan điểm thỏa thuận: Chị chấp nhận cho anh H, chị K trả lại tiền cọc 100.000.000 đồng và tiền phạt cọc 600.000.000 đồng, tổng cộng là 700.000.000 đồng nhưng đại diện của bị đơn không nhất trí, vì anh H chị K không thể nào có khả năng, đề nghị Tòa án xét xử theo pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng:

- Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ buộc anh Hồ Minh H và chị Trần Thị K phải trả lại số tiền đặt cọc và bồi thường tiền cọc theo thỏa thuận trong giấy nhận cọc, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự đặt cọc theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Hồ Minh H, chị Trần Thị K có địa chỉ cư trú tại: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khi làm đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ khởi kiện anh Hồ Minh H và xác định người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị K (vợ anh H) nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử yêu cầu chị Đ xác định nội dung đặt cọc trong giấy đặt cọc và khởi kiện người nào. Chị Đ cho rằng việc nhận tiền cọc tại giấy đặt cọc ngày 23/01/2021 được thực hiện giữa chị và vợ chồng anh H, chị K, với mục đích để anh H chị K chuyển nhượng đất cho chị nên chị thay đổi người bị kiện là anh Hồ Minh H và chị Trần Thị K, do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định lại tư cách đương sự theo khoản 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ, bị đơn: Vợ chồng anh Hồ Minh H và chị Trần Thị K, người làm chứng anh Hồ Văn K.

- Ngày 14/12/2021, bị đơn anh Hồ Minh H có nộp một đơn có nhan đề "Đơn yêu cầu phản tố", với nội dung như đã nêu trên nhưng Tòa án xác định không thuộc trường hợp phản tố theo Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự nên không thụ lý bổ sung đơn phản tố mà xác định đây là ý kiến phản đối của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần đưa vào xem xét trong quá trình giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1 Nhận định về hợp đồng đặt cọc:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định nội

dung tranh chấp: Vào ngày 23/01/2021, giữa chị Nguyễn Thị Đ và vợ chồng anh Hồ Minh H, chị Trần Thị K thỏa thuận anh H, chị K bán cho chị Đ 2510,08m^2 đất trong diện tích 5026,9m^2 tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 09 và ngôi nhà cấp 4 tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 482797 mang tên Hồ Minh H và Trần Thị K với giá 2.415.000.000 (hai tỷ bốn trăm mười lăm triệu) đồng. Hai bên ký giấy nhận đặt cọc với nội dung: Chị Đ (bên B) đặt cọc cho anh H, chị K (bên A) 100.000.000 đồng, thời hạn đặt cọc kể từ ngày hợp đồng đặt cọc này được công chứng chứng nhận cho đến ngày 23/4/2021, hai bên có nghĩa vụ tiến hành các thủ tục chuyển nhượng thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật, nếu quá thời hạn trên mà bên A không chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho bên B tại cơ quan chức năng có thẩm quyền thì bên A phải hoàn lại số tiền mà bên A đã nhận cọc đồng thời bồi thường cho bên B số tiền tương đương 10 lần số tiền đặt cọc là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng; thời điểm hai bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên tại tổ chức công chứng theo thời hạn đặt cọc, sau khi hoàn tất thủ tục công chứng, bên A phối hợp với bên B để hoàn tất các thủ tục cho đến khi sổ đỏ đứng tên bên B. Tại thời điểm sổ đỏ đứng tên bên B, bên B phải thanh toán toàn bộ số tiền còn lại cho bên A là 2.315.000.000 đồng. Bên A cam kết tài sản trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình không có tranh chấp với tổ chức, cá nhân nào. Đến ngày 06/3/2021 hai bên thỏa thuận lại giá đất tăng lên 3.155.000.000 đồng (đã trừ cọc) hai bên ký bổ sung vào cuối giấy đặt cọc ngày 23/01/2021. Đây là hợp đồng đặt cọc nhằm mục đích bảo đảm giao kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên.

[2.2] Xác định lỗi:

Nguyên đơn chị Đ cho rằng anh H, chị K có ý định bẻ cọc nên trong quá trình làm giấy tờ thủ tục anh H, chị K không hợp tác, rồi đòi tăng giá đất, chị đã chấp nhận tăng giá đất lên 3.155.000.000 đồng nhưng khi cán bộ về đo đạc để tách thửa, làm xong gọi anh H, chị K đến ký thì anh H, chị K không đến ký nên lỗi thuộc về anh H, chị K. Xét thấy, chị Đ và anh H, chị K thỏa thuận lại giá trị đất chuyển nhượng là sự thay đổi về mặt nội dung của hợp đồng chuyển nhượng đất được hai bên thống nhất, còn về hợp đồng đặt cọc vẫn giữ nguyên không thay đổi. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng cọc, anh H, chị K không ký thủ tục đo đạc tách thửa là do có sự thay đổi không thống nhất trong gia đình anh H chị K nên việc chuyển nhượng đất không tiến hành được, thể hiện: Tại biên bản hòa giải ngày 17/02/2022, chị K thừa nhận sau khi đo đạc, tách thửa, cán bộ văn phòng đất kêu vợ chồng chị ký nhưng chị nói "khoan làm để tôi thay đổi đã"; lời khai anh Hồ Văn K (con trai anh H, chị K) tai bản tự khai ngày 17/02/2022 "tôi không nhất trí việc bố mẹ bán đất". Vì vậy, lỗi thuộc về anh H, chị K là có căn cứ.

Phía bị đơn anh H chị K cho rằng việc không thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng là do lỗi của cả hai bên nên không chấp nhận số tiền phạt cọc như nguyên đơn yêu cầu, đồng thời phản đối hợp đồng cọc với 3 nội dung:

- Thứ nhất: *"Trong giấy nhận đặt cọc có ghi chuyển nhượng 2510,08m^2 đất nhưng không ghi rõ bao nhiêu diện tích đất ở, bao nhiêu diện tích đất vườn, có chuyển nhượng nhà hay không nên không thể thực hiện được việc chuyển nhượng đất",* Hội đồng xét xử thấy, trong giấy đặt cọc có ghi, diện tích đất chuyển nhượng phía bắc của thửa đất, trên đất có nhà cấp 4 tại thửa đất số 03 tờ bản đồ số 09, do đó, không phải vì không ghi rõ bao nhiêu diện tích đất ở, bao nhiêu diện tích đất vườn trong giấy nhận đặt cọc mà không thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng đất, bởi lẽ phần đất chuyển nhượng có nhà cấp 4, và tương đương ½ tổng toàn bộ diện tích của thửa đất nên mặc nhiên trong diện tích đất chuyển nhượng có ít nhất ½ đất ở nên sự phản đối này không có căn cứ.

- Thứ hai:*"Những điều khoản của giấy đặt cọc không chặt chẽ, không quy định nghĩa vụ của mỗi bên nên gây khó khăn cho việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất"*. Theo thỏa thuận, chị Đ đã mời đại diện Văn phòng đất về đo đạc để làm thủ tục tách thửa nhưng khi đo đạc xong, chị K nói *"khoan làm để tôi thay đổi lại đã"*và anh H, chị K không ký nên không tiếp tục làm được nữa, do đó, việc không thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng đất do không quy định chặt chẽ trong hợp đồng cọc là không có căn cứ.

- Thứ ba: Điều 3 của giấy đặt cọc có ghi: *"kể từ ngày công chứng giấy cọc đến ngày 23/4/2021 hai bên có nghĩa vụ tiến hành thủ tục chuyển nhượng đất"* bị đơn cho rằng, đây là giao dịch dân sự có điều kiện mà khi điều kiện đó không xảy ra thì giao dịch đó hủy bỏ, không có hiệu lực theo Điều 120 của Bộ luật dân sự nên các bên trả lại cho nhau những gì đã nhận.

Hội đồng xét xử thấy, về giao dịch đặt cọc pháp luật dân sự không bắt buộc về hình thức là phải công chứng. Về nội dung của hợp đồng cọc, chị Đ và anh H, chị K đã thực hiện đặt cọc và nhận đặt cọc đúng thực tế của giao dịch, tuy nhiên, về hình thức của giao dịch đặt cọc này là bằng văn bản, do chị Đ soạn thảo, trong đó có ghi hai bên thỏa thuận thời hạn đặt cọc tại điều 3, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên tham gia đặt cọc về mặt hình thức, trước hết pháp luật ưu tiên tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, lẽ ra hai bên phải phối hợp với nhau thực hiện sự thỏa thuận đó, hoặc chị Đ là bên đặt cọc đã soạn thảo ra điều khoản đó được anh H, chị K chấp nhận thì chị Đ phải yêu cầu phía anh H, chị K cùng ra công chứng rồi mới tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng đất theo thỏa thuận như trong giấy cọc thì mới chặt chẽ, có sự tuân thủ nội dung, hình thức đã thỏa thuận, song chưa ra công chứng mà chị Đ đã tiến hành mời cán bộ đo đạc về đo đạc làm thủ tục tách thửa, thể hiện không thực hiện đúng cam kết trong giấy cọc, bị đơn phản đối là có căn cứ.

Từ những căn cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy, cả hai bên đều có lỗi dẫn đến việc không thể tiến hành ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 2510,08m^2 tại thửa số 03, tờ bản đồ số 09 tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình theo tỷ lệ ngang nhau. Do đó, anh H, chị K đã vi phạm hợp đồng đặt cọc tỷ lệ 1/2 nên phải trả lại tiền cọc và phải chịu phạt cọc theo nội dung giấy nhận đặt cọc tương ứng 1/2 nghĩa vụ, chị Nguyễn Thị Đ phải

chịu mất số tiền phạt cọc tương ứng 1/2 nghĩa vụ, là phù hợp với Điều 328 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Về số tiền cọc và phạt cọc: Khoản 2 Điều 328 quy định*: "Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*

Tại điều 3 Giấy nhận đặt cọc ngày 23/01/2021, *"Thời hạn đặt cọc kể từ ngày hợp đồng đặt cọc này được công chứng chứng nhận cho đến ngày 23/4/2021, hai bên có nghĩa vụ tiến hành các thủ tục chuyển nhượng thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật, nếu quá thời hạn trên mà bên A không chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho bên B tại cơ quan chức năng có thẩm quyền thì bên A phải hoàn lại số tiền mà bên A đã nhận cọc đồng thời bồi thường cho bên B số tiền tương đương 10 lần số tiền đặt cọc là 1.000.000.000 đồng".* Hội đồng xét xử thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật dân sự... *"nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".* Tuy nhiên, giữa chị Đ và anh H, chị K đã thỏa thuận số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng và bồi thường tiền cọc gấp 10 lần số tiền đặt cọc là 1.000.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên không trái pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ về mức phạt cọc theo thỏa thuận, để buộc anh H, chị K trả lại tiền cọc và bồi thường tiền cọc cho chị Đ theo mức thỏa thuận này tương ứng với tỷ lệ ½ phần lỗi của anh H chị K, không chấp nhận yêu cầu của chị Đ về ½ số tiền phạt cọc tương ứng với ½ phần lỗi của chị Đ là phù hợp.

[3]. Án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần yêu cầu khởi kiện không được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 68, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 328 và Điều 357 của Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ, buộc anh Hồ Minh H và chị Trần Thị K phải trả cho chị Nguyễn Thị Đ số tiền cọc 100.000.000 đồng và tiền phạt cọc 500.000.000 đồng. Tổng cộng 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ số tiền phạt cọc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Hồ Minh H và chị Trần Thị K phải chịu 28.000.000 đồng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 24.000.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 22.500.000 đồng theo biên lai số 0004319 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, chị Đ còn phải nộp thêm 1.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Đ, anh Hồ Minh H và chị Trần Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/4/2022), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thị Nhàn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Lưu VP; HS.